

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Răng;

Ông Nguyễn Thành Nghiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng P; Cư trú: Số 1, đường Trần Hưng Đ, khóm, phường, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn V; Cư trú: Ấp Tân H, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Vào ngày 15/8/2019, ông Nguyễn Hoàng P có cho ông Phạm Văn V vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là một tháng. Kể từ khi vay tiền, ông V đã nhiều lần hứa khi nào bán được cá sẽ trả toàn bộ tiền vốn và tiền lãi, nhưng đến nay ông V vẫn chưa trả vốn và lãi.

Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn V phải trả số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Đối với bị đơn ông Phạm Văn V:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi tổng cộng 46.971.999 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Tân H, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Trong quá trình vay bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[4] Bị đơn vay tiền của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên nhận vay tiền, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn vay số tiền gốc là 40.000.000 đồng, bị đơn nhận nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn 40.000.000 đồng có làm biên nhận cho nguyên đơn, từ khi vay đến nay bị đơn chưa trả tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*” và tại thời điểm hai bên thỏa thuận tiền vay là ngày 15/8/2019 thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, tức là không quá  $(20\%/năm : 12 \text{ tháng}) = 1,66\%/tháng$ . Mặc dù, theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì lãi suất vay là 5%/tháng, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 1,66%/tháng và yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.1] Về thời gian tính lãi được tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2020, số tiền lãi mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể là: Số tiền 40.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 10 tháng 15 ngày (từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/6/2020) = 6.971.999 đồng.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí là 2.348.600 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P. Buộc bị đơn ông Phạm Văn V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn và lãi là 46.971.999 đồng (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 6.971.999 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho

nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai số 0000411 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.348.600 đồng (Hai triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Thị Kiều Oanh**